

## QUYỀN 80

Hỏi: Vào tông môn này làm sao biết tất cả pháp như huyễn hóa ?

Đáp: Vì muôn pháp vô thể, danh tướng vốn không, không mà chợt có nên gọi là hóa. Như phẩm Thập Nhãn trong *kinh Hoa Nghiêm* ghi: “Phật tử, thế nào là như hóa nhãn Đại Bồ-tát ? Phật tử, Đại Bồ-tát này biết tất cả thế gian đều như hóa, đó là tất cả nghiệp của chúng sinh hóa, vì do giác tướng khởi; tất cả các hành của thế gian hóa, vì do phân biệt khởi; tất cả khổ lạc điên đảo hóa, do vọng thủ khởi; tất cả pháp chẳng thật của thế gian hóa, do ngôn thuyết hiện khởi; tất cả phiền não phân biệt hóa, do tướng niệm khởi. Lại có thanh tịnh điều phục hóa, vì vô phân biệt hiện; ở nơi ba đời chẳng chuyển hóa, vì vô sinh bình đẳng; Bồ-tát nguyện lực hóa, vì tu hành rộng lớn; Như Lai đại bi hóa, vì phương tiện thị hiện; chuyển pháp luân phương tiện hóa, vì trí tuệ vô úy biện tài tuyên thuyết. Bồ-tát biết rõ thế gian, xuất thế gian hóa như thế, hiện chúng biết, quảng đại biết, vô biên biết, như sự biết, tự tại biết, chân thật biết, chẳng phải hư vọng thấy khả năng khuynh động, việc làm theo thế gian cũng chẳng mất; ví như hóa chẳng từ tâm khởi chẳng từ tâm pháp khởi, chẳng từ nghiệp khởi, chẳng chịu quả báo, chẳng phải thế gian sinh, chẳng phải thế gian diệt, chẳng thể theo đuổi, chẳng thể sờ mó, chẳng phải dừng lâu, chẳng phải dừng chốc lát, chẳng phải đi với thế gian, chẳng phải xa lìa thế gian, chẳng hạn cuộc một nơi, chẳng thuộc chung nhiều nơi, chẳng phải hữu lượng, chẳng phải vô lượng, chẳng chán, chẳng dứt, chẳng phải chẳng chán dứt, chẳng phải phàm, chẳng phải Thánh, chẳng phải nhiễm, chẳng phải tịnh, chẳng phải sinh, chẳng phải tử, chẳng phải trí, chẳng phải ngu, chẳng phải thấy, chẳng phải chẳng thấy, chẳng phải y thế gian, chẳng phải nhập pháp giới, chẳng phải thông minh, chẳng phải đần độn, chẳng phải nắm lấy, chẳng phải chẳng nắm lấy, chẳng phải sinh tử, chẳng phải niết-bàn, chẳng phải có, chẳng phải không.

Có Bồ-tát dùng phương tiện thiện xảo như thế du hành nơi thế gian tu đạo Bồ-tát, biết rõ các pháp thế gian, phân thân hóa độ nhưng chẳng vướng mắc thế gian, chẳng chấp tự thân, không phân biệt đối với thế gian, đối với thân thể, chẳng trụ thế gian, chẳng là thế gian, chẳng trụ nơi pháp, chẳng là nơi pháp. Vì bản nguyện nên chẳng bỏ một cõi chúng sinh, chẳng điều phục chút ít cõi chúng sinh, chẳng phải pháp phân biệt, chẳng phải chẳng phân biệt, biết tính của các pháp không đến không đi, tuy không thật có mà đầy đủ Phật pháp, rõ pháp như hóa chẳng phải có, chẳng phải không.

Phật tử, lúc Đại Bồ-tát an trụ như hóa nhân như thế đều có thể đầy đủ đạo Bồ đề của tất cả chư Phật, Bồ-tát, lợi ích chúng sinh, đây gọi là Như hóa nhân thứ chín của Đại Bồ-tát”. Cho nên biết pháp thiện, bất thiện từ tâm hóa sinh, bởi nhân không tạo tác nhận lãnh quả chột có. Vì thế Lục Tổ nói: “Nghĩ đến ác pháp liền hóa thành địa ngục, nghĩ đến thiện pháp liền hóa làm thiên đàng, độc hại hóa làm súc sinh, từ bi hóa làm Bồ-tát, thấy đều là tự tính biến hóa”.

*Luận Đại Trí Độ* ghi: “Nếu tất cả pháp đều không, như hóa, tại sao có các cách nói pháp sai biệt ? Đáp: Những gì do Phật và người khác biến hóa ra tuy chẳng thật, nhưng có các thứ hình tượng sai biệt cũng như những việc tốt xấu thấy trong chiêm bao, có người sinh tâm mừng rỡ, có người sinh tâm sợ hãi. Như bóng trong gương tuy không có thật sự mà tùy hình tượng có đẹp xấu; các pháp cũng như thế, tuy không mà đều có nhân duyên.

Trong pháp biến hóa này có Thanh văn biến hóa, có Bích-chi Phật biến hóa, có Bồ-tát biến hóa, có Phật biến hóa, có phiền não biến hóa, có nghiệp biến hóa”.

Lại nói: “Như hóa là hóa chủ không có vật cố định, chỉ vì tâm sinh liền có sự tạo tác nên đều không có thật. Thân người cũng như thế, vốn không có nguyên do, chỉ từ tâm đời trước sinh ra thân đời này, đều không có thật, do đó các pháp như hóa”.

Hỏi: Chẳng nên nói việc biến hóa là không, vì sao ? Tâm biến hóa cũng từ tu thiện định mà được, từ tâm này làm ra các thứ biến

hóa, hoặc người, hoặc pháp. Sự biến hóa này có nhân có quả làm sao không ?

Đáp: Như đức Phật nói quán vô sinh từ hữu sinh được giải thoát, nương vô vi từ hữu vi được giải thoát. Tuy quán pháp vô sinh là không mà có thể tạo nhân duyên; vô vi cũng thế, biến hóa tuy không nhưng vẫn có thể sinh tâm nhân duyên.

Lại nữa, cái không này chẳng phải lấy sự chẳng thấy làm không, vì nó không có thật dụng nên nói là không, cho nên nói các pháp như hóa. Do đó biết tất cả pháp đều từ tâm sinh, thấy như huyền hóa. Tuy huyền hóa chẳng thật nhưng vẫn có thể tạo ra nhân duyên thiện ác, thọ báo ứng thăng trầm, chẳng sinh đoạn kiến, chỉ cần rõ thể rỗng không, chẳng sinh lấy bỏ.

Hỏi: Phàm các pháp có tướng đều từ sự biến hóa, tâm không hình tướng làm sao hóa hiện ?

Đáp: Tâm vốn là hóa, đạo lý bất tư nghì, từ tâm hiện tâm, như hóa khởi hóa. *Luận Phật Địa* nói: “Tâm hóa chỉ có hai thứ: một là tự thân tương ứng, nghĩa là trên tâm mình hóa hiện các ảnh tượng sai biệt của tâm và tâm pháp; hai là tha thân tương ứng, nghĩa là khiến tâm cũng hiện các thứ ảnh tượng sai biệt của tâm và tâm pháp. Đây là tướng phản dương như kiến phần hiện, có nghĩa định lực hay khiến tự tâm hiểu pháp chẳng phải phân chia, gọi là hóa tự tâm. Gia bị hữu tình, khiến kẻ ngu muội liễu pháp vi tế, khiến người thất niệm được chính niệm gọi là hóa tha tâm. Nhưng vì tâm không biến hóa, không hình chất, như luận nói: “Tâm vô hình nên chẳng thể hiển hóa”. Lại nói: “Pháp thân không có tâm và tâm pháp”. Đây là y cứ định lực của nhị thừa và các loài dị sinh mà nói, vì định lực của họ yếu chẳng thể hóa hiện pháp vô hình chất; chư Phật Bồ-tát có bất tư nghì định nên đều có thể hóa hiện. Nếu không thế, làm sao Như Lai thị hiện tham sân... làm sao Thanh văn và bàng sinh v.v... biết tâm Như Lai, làm sao kinh nói hóa vô lượng loại đều khiến có tâm; làm sao luận nói các hóa ý nghiệp; làm sao kinh nói có tâm y

tha. Chỉ là các hóa sắc đồng với công dụng của thật sắc, hóa căn và tâm chỉ có tướng hiện, chẳng giống với thật dụng.

Lại căn cứ vào loại dưới nên nói rằng nếu vậy tại sao chẳng hóa vô tình khiến tâm tướng hiện, vô tình đã là tướng phần của tâm làm sao lại khiến có tâm tướng hiện. Nếu tâm tướng hiện thì gọi là hữu tình, chẳng phải thuộc về vô tình, cho nên hóa tâm chỉ có hai thứ: một là tự thân hóa, hai là tha thân hóa.

Hỏi: Môn nhất tâm này lý không sai khác, theo cơ đối pháp giáo có nhiều môn; ở trong một pháp tên gọi khác biệt, có người gọi Phật tính, có người gọi Như Lai tạng. Thế nào là nghĩa tạng ? Thế nào là Phật tính ?

Đáp: Như Lai tạng là thức tâm chân thật, trong chân tâm này sẵn có Hằng sa Phật pháp, như trong vọng tâm sẵn có Hằng sa nhiễm pháp. Tâm này cùng với pháp đồng một thể tính nên gọi là Như Lai tạng. Tất cả chúng sinh có Như Lai tạng hay làm Phật nhân gọi là có Phật tính. Như trong tâm ngủ mê có tính tỉnh thức; như trong khối đá màu vàng có tính kim (vàng), trong khối đá trắng có tính ngân (bạc). Như vậy trong tất cả pháp thế gian đều có tính niết-bàn, tính này chính là tính chân thật của chúng sinh nên gọi là ngã. Ngã là Phật tính, ẩn thì gọi là Như Lai tạng, hiển thì gọi là Pháp thân.

Hỏi: Nếu tính chân thật của chúng sinh gọi là Phật tính, giác ngộ tính này gọi là Phật, chỉ cần rõ nhất tính là khế hợp bản nguyên, tại sao trong giáo hoặc nói hai, ba, bốn, năm thứ Phật tính chẳng đồng ?

Đáp: *Kinh Đại Niết-bàn* nói: “Tâm chúng sinh là chính nhân Phật tính”. Lại nói: Phật tính chẳng gọi là một pháp, chẳng gọi là mười pháp, chẳng gọi là trăm pháp, chẳng gọi là nghìn pháp, chẳng gọi là vạn pháp. Khi chưa đắc bồ-đề tất cả thiện ác vô ký đều gọi là Phật tính, cho nên biết khi chưa đắc bồ-đề, tất cả các pháp còn chẳng phải danh số, huống chi đã tỏ ngộ còn nói hai, ba. Tuy khai

hợp nhất tính không sai khác, nhưng y cứ bản mặt thì nhân quả chia ra nhiều thứ.

*Luận Phật Tính* nói: “Phật tính có ba thứ: đó là ba nhân, ba thứ Phật tính.

Ba nhân: 1- Nhân ứng đắc, 2- Nhân gia hạnh, 3- Nhân viên mãn. Trong ba nhân này, một nhân trước lấy như lý vô vi làm thể, hai nhân sau lấy nguyện hạnh hữu vi làm thể.

Ba thứ Phật tính, là ứng đắc trong nhân sẵn có ba tính: 1- Tính trụ tự tính, 2- Tính dẫn xuất, 3- Tính đến được quả.

Ba tính này lại thành ba tạng: 1- Sở nhiếp tạng, 2- Ẩn phú tạng, 3- Năng nhiếp tạng.

1/ Sở nhiếp làm tạng: Đức Phật nói y cứ trụ tự tính như như, tất cả chúng sinh là Như Lai tạng.

Như có hai nghĩa: 1- Trí như như. 2- Cảnh như như. Vì không điên đảo nên gọi là như như.

Lại là từ tự tính đến. Đến nơi chí đắc nên gọi là Như Lai. Vì thế Như Lai tính nơi nhân gọi là ứng đắc, nơi quả gọi là chí đắc, thể nó chẳng hai, chỉ do trong đực có khác. Lúc tại nhân vì trái nhị không nên khởi vô minh và bị phiền não tạp loạn nên gọi là nhiễm trược, tuy chưa hiển bày nhưng hẳn sẽ hiện nên gọi là ứng đắc. Nếu khi đến quả hợp với nhị không chẳng còn mê hoặc, phiền não chẳng nhiễm gọi là thanh tịnh, quả đã hiển hiện gọi là chí đắc.

Tạng nghĩa là tất cả chúng sinh ở trong trí Như Lai, vì trí như như xứng với cảnh như như. Tất cả chúng sinh quyết định không có ai ra ngoài cảnh như như, đều được Như Lai nhiếp trì nên gọi là sở tạng, chúng sinh là Như Lai tạng.

2/ Ẩn phú làm tạng: Như Lai tự ẩn chẳng hiện nên gọi là tạng. Như Lai có hai nghĩa: một là nghĩa hiện như, chẳng điên đảo; do vọng tưởng nên gọi là điên đảo, vì chẳng vọng tưởng nên gọi là như; hai là nghĩa hiện thường trụ. Tính như này từ tính trụ tự tính đến chỗ chí đắc, vì như thể chẳng biến đổi nên là nghĩa thường trụ. Tính

Như Lai lúc trụ đạo tiền bị phiền não che lấp, chúng sinh chẳng thấy nên gọi là tạng.

3/ Năng nhiếp làm tạng: Tất cả lỗi nơi quả địa Hằng sa số công đức, lúc trụ tính ứng đắc của Như Lai sẽ bao gồm hết thảy. Nếu lúc chí quả mới gọi đắc tính thì tính này là vô thường, vì sao ? Chẳng phải ngày nay mới được nên biết nó sẵn có, cho nên nói là thường. Tuy nói ba nhân Phật tính nhưng chỉ là một tính. Vì sao ? Vì chính nhân là sẵn có, bởi chúng sinh chẳng biết nên bị khách trần che lấp; như vàng trong quặng, thể vàng chẳng hiện, phải nhờ gia công mới sử dụng được. Chính nhân Phật tính cũng như thế, ở trong quặng phiền não, trước cần phải nhờ liễu nhân trí tuệ biết có khai phát, sau đó mượn nhân duyên phương tiện trợ giúp mới thành đại dụng. Duyên dụng tuy phân chia nhưng thể luôn một vị, chẳng động chúng sinh tính mà thành Phật tính.

Theo lý của trụ tự tính, tại phạm mà tức chân; theo sự của dẫn xuất tính, thành quả mà chẳng hư; theo văn của sự ứng đắc, ở nơi nhiệm mà nào có lỗi; theo đạo của sự chí đắc, chứng Thánh mà chẳng nghi. Lại nhân tự tính có nên hay dẫn xuất, ứng đắc chí quả khác chứng chẳng phải hư.

*Kinh Đại Niết-bàn* nói: “Nhất-xiển-đề ... quyết định sẽ thành Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Nay thiện nam, ví như người trong nhà có sửa lạc, có người hỏi: Ông có tô chãng ? Đáp: có.

Lạc thật ra chẳng phải là tô, vì phương tiện khéo léo quyết định sẽ được nên nói có tô. Chúng sinh cũng thế thảy đều có tâm. Hễ có tâm là quyết định sẽ được thành Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Do nghĩa này ta thường tuyên nói tất cả chúng sinh đều có Phật tính”. Lại nữa, kinh luận thường nói có bốn thứ Phật tính:

- 1- Nhân tính tức là duyên khởi nhiệm tịnh.
- 2- Nhân nhân tính tức là nội huân phát tâm.
- 3- Quả tính tức là thi giác đã duyên mãn.
- 4- Quả quả tính tức là bản giác đã hiển bày.

Lại nữa:

- 1- Tùy duyên ẩn hiển.
- 2- Trung khởi tịnh dụng.
- 3- Nhiễm tận tịnh viên.
- 4- Hoàn nguyên hiển thật.

Lại nữa:

- 1- Tự tính, trụ tình tức là chính nhân.
- 2- Dẫn xuất Phật tính tức là liễu nhân.
- 3, 4- Điều là chí đắc quả tính tức là duyên nhân.

Lại nữa, lý trí trong hai nhân ban đầu, lý trí trong hai quả sau cùng, nhân quả tuy khác nhưng trí chẳng khác lý, khế đồng không hai, chỉ là nhất tâm chuyển, tuyệt tương ly ngôn không gì chẳng bao dung nên gọi là Phật tính.

*Niết-bàn Sớ* nói: Chính tính của niết-bàn có năm:

- 1- Chính tính chẳng phải nhân, chẳng phải nhân nhân, chẳng phải quả, chẳng phải quả quả.
- 2- Nhân tính mười hai nhân duyên.
- 3- Nhân nhân tính mười hai nhân duyên sinh trí tuệ.
- 4- Quả tính Chính đẳng Chính giác.
- 5- Quả quả tính đại bát niết-bàn.

Tuy phân biệt nhiều thứ nhưng chỉ là một pháp.

Lại nữa, người xưa giải thích có ba thứ tính:

- 1- Lý tính, đó là chân như.
- 2- Hạnh tính, đó là chủng tử vô lậu.
- 3- Ẩn mật tính, đó là ruộng trần lao.

Ba tính ẩn hiển tuy phân nhưng một thể phàm Thánh cùng có.

Lại căn cứ vào thường trụ tùy duyên mà chia ra hai thứ Phật tính:

- 1- Nghĩa thường trụ, kinh nói mùi vị thuốc ấy lưu lại trong núi như Bồ-tát Thường Bất Khinh kính trọng bốn chúng. Vì Phật tính này lẫn lộn trong phiền não mà chẳng ô nhiễm, hiển lộ bồ-đề, mà chẳng tịnh, vì thường trụ bất biến. Do đó, Bồ-tát chẳng dám khinh thường một chúng sinh nhỏ, vì Phật tính chẳng hoại.

2- Nghĩa tùy duyên, kinh nói tùy theo chỗ lưu chuyển mà thành các mùi vị, như Bồ-tát Thường Thâm thương xót bốn chúng. Vì chân tâm chẳng giữ tự tính, toàn thể tùy duyên mà tạo ra nhân pháp. Kinh nói: Pháp thân lưu chuyển năm đường gọi là chúng sinh. Vì chúng sinh tùy duyên mất tính chẳng hay chẳng biết cho nên Bồ-tát thường sinh thương xót.

Lại nữa Phật tính của chúng sinh đều có hai nghĩa:

1- Phật tính sở y, là hai nghĩa thường trụ và tùy duyên ở trên.

2- Tạp nhiễm năng y: Một là nghĩa duyên thành dướng như có; hai là nghĩa vô tính tức không.

Do nhiễm pháp có nghĩa tức không nên thật sở y thường tịnh bất biến. Do nhiễm pháp có nghĩa dướng như có nên Phật tính sở y tùy duyên thành nhiễm. Cho nên biết vì chúng sinh vô tính tức không nên tại phạm chẳng phải phạm; vì pháp thân tùy duyên nên nơi Thánh chẳng phải Thánh. Lại vì chúng sinh duyên thành dướng như có nên Thánh chẳng phải là phạm; vì pháp thân thường trụ bất biến nên phạm chẳng phải là Thánh. Đây là chân tục nhất tế nhiễm tịnh hằng phân, phạm Thánh hai ngã chúng sinh và Phật không khác. Dung thông như thế mới rõ được nhất tâm Phật tính.

Cổ đức hỏi: Tất cả chúng sinh Phật tính thường trụ chẳng ?

Đáp: Ba đời đều thường.

Hỏi: Nếu thường hiện thì chúng sinh là Phật chẳng ?

Đáp: Như đứa con trong thai mẹ đâu chẳng cùng họ với cha. Nếu hỏi họ cha thì đâu hỏi già trẻ! Lại nữa, Phật tính chẳng phải sẽ hiện, chỉ thấy lý này không thể suy tìm, cần phải tu đạo mới được; chẳng thể nói hiện, chỉ thấy lý này thì theo lý không sai, tu đạo mới được thì tùy sự chẳng lạm.

*Kinh Niết-bàn* ghi việc sáu người sờ voi đều nói khác nhau. Tuy nói chẳng đúng sự thật cũng chẳng lừa voi. Như chúng sinh chấp sáu pháp: Năm ám và không đại là Phật tính, tuy nói không đúng nhưng cũng chẳng lừa sáu pháp. Như trong đầu và chân đã không có voi nên chẳng thể 'tức' ; ngoài đầu và chân cũng không có

voi nên chẳng thể “ly”. Chẳng phải “tức” chẳng phải “ly”, chẳng phải trong chẳng phải ngoài mà nói voi. Phật tính chúng sinh cũng như thế chẳng phải là sáu pháp, chẳng phải là sáu pháp, chẳng phải trong chẳng phải ngoài nên gọi là trung đạo, là Phật tính. Nếu cho sáu pháp là Phật tính thì đây là Phật tính của bọn mù. Nếu là sáu pháp là Phật tính thì như chỉ hư không cho là Phật tính, như các vị bà-la-môn chê bai bị tiên hãm hại. Nếu chấp bất tức bất ly trung đạo là Phật tính như đại vương Trí Thần thấy Phật tính.

*Kinh Thập Địa* nói: “Trong thân chúng sinh có kim cương Phật tính như vân thái dương”. Phật là giác ngộ, người có tính giác linh tri, đệ nhất nghĩa không cùng với nó làm tính nên gọi là Phật tính. Phi tình vô giác, chỉ giữ gìn tự thể được gọi là pháp, nay chân tính cùng với nó làm tính nên gọi là Pháp tính. Vì thế tạm nói năng sở mà thật không sai. Tại sao không sai ? Vì đồng một tính, cho nên ngoại điển cũng nói: “Trời đất vạn vật đồng nhận nguyên khí của âm dương”.

Hỏi: Phạm nói đến Phật tính, cảnh trí cùng thân nên gọi là bờ-đề; bờ-đề đoạn cũng gọi là bờ-đề; thuyết trí và trí xứ đều gọi là bát-nhã. Tại sao trong giác nói trong loài hữu tình gọi là Phật tính, trong loài vô tình gọi là pháp tính ?

Đáp: Tại tâm gọi Phật tính, tại cảnh gọi pháp tính. Theo duyên tuy sai biệt, năng sở dường như phân chia, y cứ tính vốn đồng một thể không khác, như chiếc bình đựng đề-hồ, tùy vật đựng mà chẳng đồng, như dòng nước chia ra sông, biển, tùy theo chỗ trôi chảy mà được tên. Nhất vị chân tâm cũng như thế, phạm Thánh, cảnh trí nhất tế không sai. Do đó, *kinh Pháp Vương* nói: “Nhất tâm Phật tính của tất cả chúng sinh bình đẳng”. Vì đồng các pháp, nhưng chỉ vì chân tâm chẳng giữ tự tính tùy duyên chuyển động; nơi chuyển động lập ra các tên khác nhau.

Cổ đức nói: “Ví như hạt châu hướng về mặt trăng tuôn ra nước, hướng về mặt trời phát ra lửa; một hạt châu chưa từng khác mà có tên gọi nước và lửa, vì thể hạt châu là một, hay ứng hai duyên; như

lúc mặt trăng là thủy duyên, trong mặt trăng chưa từng không có hỏa tính; lúc mặt trời là hỏa duyên, trong mặt trời chưa từng không có thủy tính. Vì sao ? Vì hai tính âm thầm ẩn kín. Chỉ duyên sự tương thủy hỏa mà có hơn kém, nên khiến cho hai tính ẩn kín chẳng hiện, đều từ tự thể mà được tên gọi thủy hỏa, chẳng phải hoàn toàn vô tính. Chân như nhất tâm cũng như thế, tại hữu tình gọi là Phật tính, tại vô tình gọi là pháp tính, nhất như chưa từng khác mà có tên gọi Pháp tính hay Phật tính, vì chân như thể là một hay ứng hai duyên; như lúc hữu tình là Phật duyên, hữu tình chưa từng không có pháp tính; lúc vô tình là pháp duyên, vô tình chưa từng không có Phật tính. Vì sao ? Vì hai tính âm thầm ẩn kín, chỉ vì sự tương sắc tâm có hơn kém nên hai tính ẩn kín chẳng hiện, đều từ tự thể được tên pháp tính, Phật tính, chẳng phải hoàn toàn vô tính.

*Thanh Lương Ký* nói: “Pháp tính là Phật tính”, nên kinh nói: “Biết tất cả pháp là tâm tự tính”. Nếu cho tâm tính là Phật tính, không pháp chẳng phải tâm tính thì chẳng cách ngăn trong ngoài, nhưng thể chẳng phải trong ngoài, trong ngoài thuộc tướng, tính chẳng đồng tướng làm gì có trong ngoài, nhưng mê nhất tính mà biến thành bên ngoài. Bên ngoài đã duy tâm làm gì có chẳng phải Phật ? Những gì biến hóa không thật nên nói tường vách. Nói không Phật tính vì tính nói tướng không chẳng phải tính. Như khói nhờ lửa mới có, khói chính là lửa, nhưng khói che lửa. Y tánh khởi tướng, tướng lại che tính nhưng tướng là tính. Như nước thành sóng, sóng chính là nước, cảnh nhân tâm biến, cảnh chẳng khác tâm. Nếu tâm có tánh cảnh thì cảnh đâu chẳng phải có hướng là tâm với cảnh đều là chân tính; chân tính chẳng hai, tâm cảnh làm sao trái. Hoặc cho tánh từ tướng chẳng ngại trong ngoài. Hoặc đem ngoại cảnh so sánh với tâm khiến có giác tri tu hành thành Phật, đây là pháp tà kiến của ngoại đạo. Cho nên thường phải thường chiếu bất tức bất ly, bất nhất bất dị không còn mê hoặc. Vì vậy biết Phật tính chẳng phải trong chẳng phải ngoài, theo vật mê ngộ mà gượng nói thẳng trâm.

Hiện nay vì ngăn vọng chấp tất cả vô tình có Phật tính, nếu chấp theo nghĩa này tự có sâu cạn:

1- Cho rằng tinh thần hóa thành đất gỗ vàng đá, chim thú hung ác ôm khối đất biến thành đũa con, tình biến phi tình, phi tình biến tình. Đây là tà kiến chẳng khác chúng sinh ngoại đạo chấp cây cỏ có mạng sống. Nếu nói vô tình đồng một tính thì hơi gần với tông, nhưng cũng phải nắm được ý. Họ vốn lập ý vì y cứ tự thể chân như trùm khắp, vì tính chân thật không hai. *Kinh Niết-bàn* nói: “Đệ nhất nghĩa không là Phật tính”. Trong tất cả pháp có tính an lạc, nhiếp cảnh theo tâm, vì không gì chẳng phải tâm, vì sắc tính và trí tính thể không hai. Các kinh văn nói rất nhiều đến điều này, nay cho rằng sự giải thích ở đây là thái quá, mất cả tình và vô tình, phá hoại tính tướng. Nếu cho đệ nhất nghĩa không trong kinh Niết-bàn gồm cả tâm cảnh, kinh Niết-bàn có thể lược bỏ gạch ngoi mà nói vô tình chẳng ? Nay hiển bày chính nghĩa là tính và tướng chẳng phải một chẳng phải khác, tình và phi tình cũng chẳng phải một chẳng phải khác, cho nên lẽ ra giải thích vì tính theo duyên thời tình và phi tình khác nhau, vì nhất như niết-bàn lược bỏ tường vách gạch ngoi...

2- Vô giác bất giác: Trong chân tính không có tâm cảnh.

3- Không gì chẳng phải giác ngộ, vì tính của vô tình hàm dung tính giác.

Cho nên *luận Khởi Tín* hỏi: Nếu pháp thân chư Phật xa lìa sắc tướng thì làm sao có thể hiện các thứ sắc tướng ? Đáp: Vì chính pháp thân này là thể của sắc nên có thể hiện ra sắc. Nghĩa là từ xưa đến nay sắc tâm chẳng hai, vì sắc tính là trí, sắc thể vô hình nên gọi là trí thân. Vì trí tính là sắc nên gọi là pháp thân khắp mọi nơi. Hiện nay nắm lấy nghĩa của tánh tướng tức hồ dung để nói, *Bách Môn Nghĩa Hải* nói: “Nghĩa là giác trần và tất cả pháp từ duyên vô tính gọi là Phật tính”. Kinh nói: “Phật chúng ba đời lấy vô tính làm tính”. Tất cả chỗ tùy rõ vô tính chính là Phật tính, chẳng vì hữu tình nên có, chẳng vì vô tình nên không. Hiện tại riêng nói về hữu tình,

thường khuyên mọi người đối với một mảy lông thấy rõ tất cả lý sự, không gì chẳng phải tính Như Lai, là khai tính Như Lai khởi công đức gọi tính, là biết lục đạo tứ sinh, núi sông, đất liền, tình và phi tình đều đồng một tính, như đức Thế Tôn chỉ dạy tận tình lúc sau rồi, tác phẩm *Hoàn Nguyên* đã lặp lại điều ấy ba lần.

Lại kinh nói: “Bấy giờ, Thế Tôn nhập các thiền định thuận nghịch xong, Ngài bảo khắp đại chúng: Với bát-nhã thậm thâm, ta quán sát tất cả núi non, biển cả, đất liền, hàm sinh nơi lục đạo trong tam giới; như thế tính căn bản của tam giới lìa tất cánh tịch diệt, đồng như tướng hư không, vô danh, vô thức, mãi mãi dứt hẳn các hữu, xưa nay bình đẳng không có ý tưởng cao thấp, không thấy, không nghe, không hay, không biết, chẳng thể trói buộc, chẳng thể giải thoát, không chúng sinh, không thọ mạng, bất sinh bất khởi, bất tận bất diệt, chẳng phải thế gian, chẳng phải phi thế gian, niết-bàn, sinh tử đều không thật có. Vì nhị tế bình đẳng đồng các pháp, nên nhàn cư tịnh trụ không làm gì cả, rốt ráo đặt để hẳn chẳng thể được. Từ pháp vô trụ, pháp tính lập bày; dứt tất cả tướng, một cũng chẳng có. Người biết pháp tướng như thế gọi là bậc xuất thế; chẳng biết việc này gọi là bắt đầu sinh tử. Đại chúng các ông cần phải đoạn vô minh, dứt sự bắt đầu sinh tử.

Thế Tôn lại bảo đại chúng: Với Ma-ha bát-nhã, ta quán sát tất cả nhân pháp hữu tình, vô tình, trong tam giới thấy đều rốt ráo không trói buộc, không giải thoát, vô chủ, vô y, chẳng thể nhiếp trì, chẳng ngoài tam giới, chẳng vào các hữu, xưa nay thanh tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, đồng với hư không, chẳng bình đẳng, chẳng phải chẳng bình đẳng, dứt sạch các động niệm tư tưởng tâm tức. Pháp tướng như thế gọi là đại niết-bàn; chân thật thấy pháp này gọi là giải thoát; phàm phu chẳng biết gọi là vô minh. Nói xong Thế Tôn lại nhập siêu thiền, từ sơ thiền xuất cho đến nhập diệt tận định, từ diệt tận định xuất cho đến nhập sơ thiền.

Nhập siêu thiền thuận nghịch như thế rồi, Thế Tôn lại bảo đại chúng: Với Phật nhãn, ta quán sát tính bản thể của vô minh tất cả

pháp trong tam giới vốn giải thoát, nơi mười phương không thể cầu liễu thoát được. Vì căn bản không nên cành lá sở nhân thấy đều giải thoát; vì vô minh giải thoát nên cho đến lão tử đều được giải thoát, vì thế hiện nay ta an trụ thường tịch diệt quang gọi là đại niết-bàn. Đức từ phụ với lòng đại bi bất khả tư nghì ba lần bảo như trên. Có người chợt nghe nói chẻ xương làm bút, lột da làm giấy, chích máu làm mực biên chép kinh điển, không thể tạm quên trong khoảnh khắc, mắt quán chiếu trong sát-na. Như đoạn kinh văn thứ nhất nói: “Quán sát núi non, biển cả, đất liền, hàm sinh nơi lục đạo trong tam giới, như thế tính căn bản của tam giới là tất cánh tịch diệt”. Đoạn kinh văn thứ hai nói: “Quán sát tất cả nhân pháp hữu tình, vô tình trong tam giới thấy đều rất ráo”. Đoạn kinh văn thứ ba nói: “Quán sát tính bản tế vô minh của tất cả các pháp trong tam giới vốn giải thoát”. Thế nên khắp pháp giới tận mười phương, hoặc hữu tình, hoặc vô tình, hoặc hữu tính, hoặc vô tính, núi sông, đất liền, cỏ cây, người, vật chẳng ở tam giới, chẳng ngoài tam giới, chẳng theo sinh tử, chẳng trụ niết-bàn, đều đồng diệu tính nhất tâm chân như. Tin hiểu như thế chóng vào Nhất thừa, không có văn kinh bí mật nào ra khỏi ý chỉ này; những lời ra ngoài ý chỉ này đều là phương tiện chỉ dạy, dụ dẫn đều quy Tông Cảnh.

Hỏi: Đã nói tất cả chúng sinh đều có Phật tính, tại sao *kinh Niết-bàn* nói: “Hoặc có Phật tính, nhất-xiển-đề có, người thiện căn thì không?”

Đáp: Tất cả chúng sinh thật sự có Phật tính. Kinh y cứ vào thiện, ác, vô ký, lý, quả mà nói có hay không có Phật tính. *Tiến Phước Sơ* nói: Nay y theo kinh nói, Phật tính có năm thứ: đó là thiện, bất thiện, vô ký, lý, quả. Hiện nay nói nhất-xiển-đề có, người thiện căn không, đây là Phật tính bất thiện.

Nhưng người thiện căn có hai loại: một là người thiện căn ly dục, vì ly dục dứt tất cả điều bất thiện; hai là người từ ngũ trụ trở lên, vì từ ngũ trụ trở lên không có tính bất thiện. Hai hạng người này đều không có tính bất thiện.

Người thiện căn có, nhất-xiển-đề không, đây là Phật tính thiện, nhất-xiển-đề dứt tất cả thiện nên nói là không có Phật tính. Hai hạng người đều có là lý và vô ký; hai hạng người đều không, vì đều không có tính quả.

*Kinh Niết-bàn* nói: “Như Lai Phật tính có hai thứ: một là có, hai là không. Có nghĩa là 32 tướng cho đến vô lượng tam-muội; không nghĩa là các nghiệp nhân thiện bất thiện, vô ký, quả báo, phiền não, năm âm, 12 nhân duyên trong quá khứ, vị lai của Như Lai. Cho đến Phật tính của xiển-đề cũng thế, đây là trên từ chư Phật, dưới đến xiển-đề đều có hai tính hữu vô, chẳng phải hoàn toàn vô tính, đây là biết chỉ y cứ ba tính và quả mà luận về hữu vô. Nếu nói lý tính còn không có phàm Thánh thì đâu thể nói hữu vô, nếu y theo lý thì không gì chẳng đủ. Do đó, pháp sư Đạo Sinh nói: “Hễ nhận lãnh âm dương thì đều là chính nhân niết-bàn, xiển-đề là loại hàm sinh làm sao riêng không có Phật tính ?” Do vì kinh này độ chưa tận cùng, cho nên pháp sư Đạo Sinh kham nhẫn mười năm để chứng minh ý chỉ trên. Quả nhiên, về sau trong phần cuối của *kinh Niết-bàn* có văn này, Ngài bèn an nhiên thị tịch nơi tòa sư tử.

Hỏi: Trên nói tất cả chúng sinh có Phật tính, tại sao chẳng khỏi trầm luân ?

Đáp: Chúng sinh tuy đủ chính nhân nhưng không có duyên liễu ngộ, do đó, *kinh Viên Giác* nói: “Chưa ra khỏi luân hồi mà nói Viên giác, tính viên giác ấy cũng đồng với lưu chuyển”. Nếu khỏi luân hồi thì không thể có việc đó. Cho nên tiên đức có bài tụng:

*Viên thành chìm biển thức  
Lưu chuyển như cỏ bông  
Chân như bản giác ấy  
Chẳng giữ lấy tự tính.*

Do vì vô tính nên theo duyên chuyển, như nói pháp thân lưu chuyển năm đường nên gọi là chúng sinh, cần phải dùng phương tiện khéo léo phát hiện, dùng trí chiếu trợ giúp, do duyên liễu lúc liễu kiến mới khỏi bị cảnh ràng buộc. Như *Khởi Tín Sao* nói: “Chân

và vọng đều y cứ vào nhất pháp giới tâm để nói, bởi vì tâm này xưa nay có thể có dụng, thể tức dụng thì thân thang không tịch, dụng tức thể thì liễu nhiên giác tri. Vì mê lầm từ vô thi đến nay nên ở nơi không tịch xác định rõ căn thân trần cảnh; ở chỗ giác tri rồi ren phân biệt duyên niệm”. Cho nên *Triệu Luận* nói: “Pháp thân ẩn trong xác thân, chân trí ẩn trong duyên lự; nhưng thân hình và duyên lự nguyên lai thể không; không tịch và giác tri nguyên lai bất biến; chân của bất biến vốn tùy duyên; vọng của thể không vốn thành sự; chẳng phải nhờ tạo tác, pháp nhĩ như thế, thân tâm của chúng sinh, hiện nay như vậy, là y cứ nghĩa này để thuyết minh nghĩa tướng của nhiễm tịnh duyên.

*Kinh Đại Niết-bàn* ghi: “Phật bảo: Thiện nam, như ông nói nhất-xiên-đề có Phật tính tại sao chẳng ngăn tội địa ngục. Nay thiện nam, trong nhất-xiên-đề không có Phật tính. Thiện nam, ví như có vị vua nghe âm thanh réo rắc của đàn không hầu mà sinh tâm đắm nhiễm yêu thích không thể xa lìa, bèn bảo các đại thần: Âm thanh vi diệu ấy từ đâu phát ra ?

Đại thần đáp: Từ đàn không hầu phát ra.

Vua bảo: Hãy đem âm thanh ấy đến đây!

Khi ấy đại thần cầm đàn không hầu đặt trước nhà vua và nói: Đại vương nên biết, đây là âm thanh ấy.

Vua nói: Không hầu phát âm thanh đi!

Nhưng chiếc đàn không hầu vẫn lặng thinh; bấy giờ đại vương liền giựt đứt dây đàn, âm thanh vẫn không phát ra; rồi nhà vua lại xé nát từng mảnh gỗ trên chiếc đàn để tìm âm thanh cũng không được. Khi ấy, nhà vua nổi giận bảo đại thần: Sao các ông lại nói dối.

Đại thần tâu: Cách thức nắm lấy âm thanh chẳng phải như thế, cần phải có các duyên phương tiện thiện xảo thì âm thanh mới phát ra”.

Phật tính của chúng sinh cũng như thế, chẳng có nơi chốn, dùng phương tiện khéo léo mới thấy được, do thấy được nên đắc Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Nhất-xiên-đề chẳng thấy Phật tính

làm sao ngăn được tội lỗi nơi ba ác đạo. Nay thiện nam, nếu nhất-xiển-đề tin có Phật tính, phải biết người này chẳng rơi vào ba ác đạo, và cũng không gọi là nhất-xiển-đề. Do vì chẳng tự tin có Phật tính nên bị đọa ba ác đạo, gọi là nhất-xiển-đề. Đây là biết tất cả chúng sinh tuy có chính nhân nhưng chẳng được duyên liễu ngộ nên uổng trầm luân sinh tử, vì chẳng biết nên cam chịu làm hạ phàm, vì chẳng nghe nên chẳng gần gũi bậc thiện hữu, thường mê mất trí tuệ thì làm sao liễu ngộ chính nhân; luôn theo duyên ác làm sao trở thành gốc thiện. Hiện tại vì người chưa nghe, rộng tìm tòi bí tạng để phát khởi lòng tin; vì người chưa biết, chỉ thẳng nguồn tâm rõ ràng không trệ ngại. Vì người đã nghe, trí tuệ khai phát, muôn điều lành đã huân tập; vì người đã biết, chuyên nhất gìn giữ, lý hạnh thành tựu. Vì sự lợi ích lớn lao này nên đâu ngại lời văn rườm rà; rất mong hậu hiền truyền bá rộng rãi.

Hỏi: Nếu Phật tính quyết định có không thì trở thành đoạn kiến và thường kiến, làm thế nào thể hội lý hợp chính nhân ?

Đáp: Chẳng phải một, chẳng phải khác, hay khế hợp môn Nhất thừa; cũng có cũng không chẳng phi báng tính của ba nhân.

*Kinh Đại Niết-bàn* ghi: “Phật dạy: Nay thiện nam, nếu có thuyết nói tất cả chúng sinh quyết định có Phật tính, thường lạc ngã tịnh, chẳng tạo tác, chẳng phát sinh nhân duyên phiền não nên chẳng thể thấy, phải biết người này phi báng Phật Pháp Tăng. Nếu có thuyết nói tất cả chúng sinh đều không có Phật tính như sừng thỏ, từ phương tiện sinh, xưa không nay có, có rồi trở lại không, phải biết người này phi báng Phật Pháp Tăng. Nếu có thuyết nói chúng sinh chẳng phải có như hư không, chẳng phải không như sừng thỏ. Vì sao ? Vì hư không thường có, sừng thỏ không có, thế nên được nói cũng có cũng không. Có phá sừng thỏ, không phá hư không; người nói như thế là phi báng tam Bảo”.

Hỏi: Giáo nói lý nhất tâm Phật tính có duyên có gì, được thiện lợi gì ?

Đáp: Mất Phật xét kỹ chính lý chẳng sai làm, nếu người quyết định tin nhận thì dứt trừ năm thứ lỗi lầm và được năm thứ công đức. *Luận Phật Tính* nói: “Như Lai vì dứt trừ năm thứ lỗi lầm và được năm thứ công đức nên nói tất cả chúng sinh đều có Phật tính”.

Trừ năm thứ lỗi lầm:

1- Vì khiến chúng sinh xa lìa tâm hạ liệt; có chúng sinh chưa từng nghe Phật nói lý có Phật tính, chẳng biết tự mình sẽ được thành Phật nên khởi ý tưởng hạ liệt chẳng thể phát tâm bồ-đề.

2- Vì lìa tâm khinh thường người hạ phẩm, có người từng nghe Phật nói chúng sinh có Phật tính liền cho mình có Phật tính nên có thể phát tâm bồ-đề, có ý khinh mạn cho rằng người khác không thể; vì phá chấp này nên Phật nói tất cả chúng sinh đều có Phật tính.

3- Vì lìa chấp hư vọng, nếu người có tâm ngã mạn thì chẳng sinh được chính trí như lý, như lượng nên nói là hư vọng. Hư vọng là lỗi lầm của chúng sinh. Có hai thứ lỗi lầm: Một là vốn không; hai là khách. Một là vốn không nghĩa là trong lý như như vốn không có nhân ngã mà chấp nhân ngã. Chấp này vốn không cho đến năng chấp đều thành hư vọng. Các nghiệp quả vô minh do chấp này sinh khởi đều là hư vọng, không người nhận, không người tạo, mà chấp trong đó có sự hư vọng nên nói vốn không. Hai là khách, nghĩa là các pháp hữu vi luôn luôn diệt, không có nghĩa dừng lại thì người mắng và kẻ bị mắng không thật có. Sát-na đều là bạn cũ, sát-na tiếp sau là khách, người mắng và kẻ bị mắng khởi rồi liền diệt, sát-na ban đầu là oán thù, sát-na tiếp theo chẳng phải oán thù; vì ở trong khách có cái chấp bạn cũ, chấp này chẳng thật nên gọi là hư vọng. Nếu khởi chấp này chính trí chẳng sinh, vì trừ chấp này nên nói Phật tính. Phật tính chính là chân như, do nhân pháp nhị không hiển bày; do chân như nên không có người mắng và kẻ bị mắng. Thông đạt lý này sẽ xa lìa chấp hư vọng.

4- Vì trừ phi báng pháp chân thật, tất cả lỗi lầm, của chúng sinh đều là nhị không. Do hiểu rõ cái không này nên công đức trí tuệ thanh tịnh sinh khởi gọi là chân thật. Nói phi báng nghĩa là nếu

chẳng nói Phật tính thì chẳng rõ không bèn chấp thật có; chê bai chân như thì công đức trí tuệ thanh tịnh chẳng thành tựu.

5- Vì lìa ngã chấp, nếu chẳng thấy lỗi làm hư vọng, công đức chân thật thì trong chúng sinh chẳng khởi đại bi; do nghe Phật nói về Phật tính nên biết lỗi làm hư vọng, công đức chân thật thì trong chúng sinh khởi tâm đại bi, không có kia đây nên trừ ngã chấp.

Do năm nghĩa nhân duyên này, Phật nói Phật tính sinh ra năm thứ công đức: 1- Khởi tâm chính cần, 2- Sinh ý cung kính, 3- Sinh bát-nhã, 4- Sinh xà-na, 5- Sinh đại bi.

Do năm công đức hay lật đổ năm làm lỗi, do chính cần nên lật đổ tâm hạ liệt, do cung kính nên dẹp trừ ý khinh mạn, do bát-nhã nên dẹp trừ chấp vọng tưởng, do sinh xà-na tục trí hay hiển bày thật trí và các công đức nên dẹp trừ sự phi báng chân pháp, do tâm đại bi, từ-niệm bình đẳng nên lật đổ ngã chấp, cho đến do bát-nhã nên chẳng bỏ niết-bàn, do đại bi nên chẳng bỏ sinh tử, do bát-nhã nên thành tựu Phật pháp, do đại bi nên thành tựu chúng sinh. Thế nên nếu rõ tất cả chúng sinh đều có Phật tính, tự nhiên chẳng chê bai, chẳng kiêu mạn không lỗi, không trái, vì sao ? Vì chúng sinh mâu nhiệm nên đều bất khả tư nghì.

Như đức Phật thuyết pháp nơi Trúc Lâm thọ ký nước Bạch-cáp-điều-kiếp danh hiệu Bát Tướng, các đại Bồ-tát đều sám hối nói rằng: Nếu trí chưa bằng Như Lai, chúng con từ đây về sau chẳng còn dám xưng là của báu của chúng sinh.

Hòa thượng Kiên nói: Ta thấy con quạ trên mâm gỗ quay đầu liền thấy toàn thể pháp thân của nó.

Lại có vị quan cùng hòa thượng Bàn Sơn vào chùa lên chính điện, hỏi sư:

- Con chim này có Phật tính chăng ?

Sư đáp: Có.

- Đã có Phật tính tại sao ị trên đầu Phật ?

Sư đáp: Sao chẳng ị trên đầu con điều hâu ?

Hỏi: Trong ngũ nhãn, nhãn nào có thể thấy Phật tính ?

Đáp: *Kinh Niết-bàn* nói: “Phật nhãn thấy rõ ràng”, vì Phật nhãn thấy tất cả việc đẹp xấu sai biệt đều bất động, vì thấy tính. *Kinh Duy-ma* nói: “Khéo hay phân biệt các pháp tướng, ở nơi đệ nhất nghĩa mà chẳng động”. Đây là tâm soi xét vô ngại là mắt, chẳng phải do sự đối đãi của căn trần. Thế nên nhục nhãn thấy thô, thiên nhãn thấy tế, tuệ nhãn rõ không, pháp nhãn biện hữu, Phật nhãn quán tướng bất nhị, lý nhất thật.

Phẩm Ly Thế Gian trong *kinh Hoa Nghiêm* nói có thập nhãn, đó là nhục nhãn thấy tất cả sắc, thiên nhãn thấy tâm của tất cả chúng sinh, tuệ nhãn thấy các căn cảnh giới của tất cả chúng sinh, pháp nhãn thấy thật tướng của tất cả pháp, Phật nhãn thấy thập lực của Như Lai, trí nhãn thấy các pháp, quang minh nhãn thấy quang minh của Phật, xuất sinh tử nhãn thấy niết-bàn, vô ngại nhãn thấy không chướng ngại, nhất thiết trí nhãn thấy pháp giới Phổ môn.

Lại tuệ nhãn không pháp để thấy nên gọi là thấy, vì thấy pháp không nên gọi là tuệ nhãn. Chẳng phải riêng tuệ nhãn hay thấy mà ngũ nhãn đều thấy. Như vậy ngũ nhãn chiếu soi như nghìn mặt trời, trong mười phương không nơi nào chẳng thấy. Đối với mọi chỗ đất bằng như bàn tay không có những nhơ ứ, nếu có thấy tức là sinh mù lòa, vì sao ? Vì không thật có, do đó nên biết vô không, sắc không đều dẹp trừ.

Lại thấy tất cả trần hoàn toàn là mắt, chẳng còn thấy nữa; nghe tất cả âm thanh hoàn toàn là tai, chẳng còn nghe nữa. Vì thế nói tất cả thanh là Phật thanh, tất cả sắc là Phật sắc. Lại nói: Là ngoài tâm không còn một pháp; cho dù thấy trong ngoài chỉ là tự tâm, cái thấy không phân biệt trong ngoài, đây là không lỗi; cho đến lúc biết rõ trần, trần hoàn toàn là tri, trọn chẳng lấy tri biết trần là có sở tri. Nếu tri nơi vô tri thì chẳng khác tri. Nay trần là tri, chẳng còn đem tri và bất tri biết nơi vô tri, chỉ là không năng tri và sở tri, chẳng phải là vô tri, đây mới hiển bày vô tri. Kinh nói: “Hiện hiện tất cả pháp, mỗi thứ đều chẳng biết nhau, thấy cũng như thế”.

Lại theo Viên giáo, nghe chính là ngã, vì năng văn và sở văn đều là Pháp giới, cho nên ngoài ngã không còn nghe gì nữa. Vì vậy hoặc thấy, hoặc nghe, hoặc biết, hoặc hay đều là nhất tâm.

*Kinh Hoa Nghiêm* nói: “Chỗ thấy chẳng thể thấy, chỗ nghe chẳng thể nghe, chỗ biết chẳng thể biết, nhất tâm bất tư nghi”.

Hỏi: Phạm Thánh đều có ngũ nhãn thì chúng sinh có Phật nhãn, Như Lai có nhục nhãn, tại sao chỉ Phật nhãn có thể thấy; Bồ-tát Thập Trụ v.v... chẳng thấy Phật tính ?

Đáp: Vì Bồ-tát Thập Trụ có hạnh, có trụ do đó chẳng thể thấy Phật tính. Nếu lúc thấy tính rõ ràng chứng thật thì chẳng thấy riêng có bồ-đề để hành để trụ. Vì địa vị Thập Trụ duyên quán chưa hết nên tâm có sự tồn tại; tâm có sự tồn tại nên có sự chẳng tồn tại. Thế nên chẳng thể biết tất cả pháp, đến địa vị Phật dứt hết duyên, chân tâm bình đẳng không nơi nào chẳng có. Không nơi nào chẳng có nên không có một pháp nào ở ngoài tâm, cũng không có một tâm nào ở ngoài pháp. Tâm và pháp giới đồng thể chiếu sáng nên biết tất cả.

Lại tâm tánh này là nghĩa chân thật liễu tri, là nghĩa chiếu khắp pháp giới. Vì bốn hữu là sở chiếu, tịnh nhãn trí minh là năng chiếu. Như *Kinh Niết-bàn* nói: “Thấy tính nhục nhãn gọi là Phật nhãn”. *Kinh Đại Niết-bàn* nói có hai thứ thấy Phật tính: một là tướng mạo kiến, hai là liễu liễu kiến. Tướng mạo kiến nghĩa là Bồ-tát đặng địa phương tiện quyền trí, thức biến tợ không gọi là tướng mạo kiến. Liễu liễu kiến nghĩa là Bồ-tát Địa thượng căn bản chính trí phân chứng chân lý bất biến tướng duyên gọi là liễu liễu kiến, chính là thân chứng. Tỷ lượng biết được tướng mạo kiến, hiện lượng biết được liễu liễu kiến.

Hỏi: Đã nói Phật nhãn có thể thấy Phật tính tại sao trong giáo lại nói ta dùng ngũ nhãn chẳng thấy mà ba nhóm chúng sinh ngu si không có mắt nào nói rằng thấy ?

Đáp: Nếu y cứ thật tướng thể tính khắp pháp giới, vì thật tướng vô tướng nên chẳng thể thấy. Nếu y cứ chiếu dụng tướng khắp pháp giới, dùng tướng của vô tướng thì có thể thấy.

Lại ngũ nhãn viên chiếu lý tam đế, các cảnh phân minh tuy nói soi khắp nhưng chưa chắc là có, tuy nói chẳng thấy nhưng chưa chắc là không, đây là tướng của vô tướng, quán của vô quán. Phải biết rằng vô tướng trong tướng chẳng phải tướng, vô quán trong quán chẳng phải quán, thể hội vạn vật tự rỗng, đồng một đạo thanh tịnh đâu giống như chấp thật theo trần tạo thành cái thấy năng sở đoạn thường ?

Hỏi: Phật nhãn là do viên tu viên chứng mới có, Bồ-tát Thập Trụ còn chưa phân minh làm sao phàm phu vô minh, phiền não chưa được thiên nhãn mà được đồng Phật nhãn ?

Đáp: Chúng sinh đều có đủ ngũ nhãn của Như Lai, chẳng phải chờ chúng Thánh mới có. *Kinh Niết-bàn* nói: “Nếu người học đại thừa tuy là nhục nhãn mà gọi là Phật nhãn. Nhị thừa có thiên nhãn mà chẳng gọi Phật nhãn”. Lại nói: “Thấy tính Như Lai tuy có phiền não như không có phiền não”. Nếu thật sự rõ tông thấy tính thì nhục nhãn chính là Phật nhãn, vì trí chiếu là con mắt. *Thiên Thai Giáo* căn cứ trong ngũ phẩm sơ vị cho tâm phàm phu đồng với cái biết của Phật, cái thấy của phàm phu bằng cái thấy của Như Lai. Nếu luận về địa vị cạn sâu thì rơi vào tu chứng. Nay nói về thấy tính thì không có trước sau. Do đó, *kinh Ương-quật-ma-la* có bài kệ:

*Đó là nhãn căn kia  
Đối với Như Lai thường  
Đầy đủ không khuyết giảm  
Thấy rõ ràng phân minh.*

*Chỉ Quán* giải thích: Kia là nhãn căn của chính pháp giới. Đối với Như Lai thường nghĩa là chín cõi tự cho chẳng phải chân thật; Như Lai thấy đó là Phật pháp giới không hai không khác. Không khuyết giảm nghĩa là quán các các loại mắt đều là Phật nhãn, nhất tâm tam đế viên nhân đầy đủ không khuyết giảm. Thấy rõ ràng

phân minh nghĩa là soi chiếu thật là liễu liễu, chiếu quyền là phân minh. Trong tam trí nhất tâm ngũ nhãn đầy đủ chiếu khắp gọi là rõ ràng thấy Phật tính. Thấy thì luận về viên chứng, tu thì luận về viên nhân.

Lại tu hành đầy đủ nghĩa là quán nơi nhãn căn xa lìa nhị biên gọi là bố thí; nhãn căn chẳng bị nhị biên làm tổn thương gọi là giới luật; nhãn căn tịch diệt chẳng bị nhị biên lay động gọi là nhẫn nhục; nhãn căn và thức tự nhiên chảy vào biển tát-bà-nhã gọi là tinh tiến; quán thật tính của nhãn gọi là thượng định; đem nhất thiết chủng trí chiếu soi trung đạo của nhãn căn gọi là trí tuệ. Đây là tu tập về nhãn căn đầy đủ không khuyết giảm. Không khuyết giảm nên rõ ràng phân minh, thấy nhãn pháp giới cho đến ý căn. Đối với Như Lai thường tu tập đầy đủ không khuyết giảm rõ ràng phân minh thấy mỗi căn tức không, tức giả, tức trung, tam quán nhất tâm gọi là tu không khuyết giảm, chứng tuệ nhãn pháp giới. Trong nhất tâm Phật nhãn được gọi là thấy rõ ràng đều như trên đã nói. Căn đã như vậy thì trần cũng như thế, tất cả các pháp cũng lại như thế, đây là Viên giáo điều phục các căn đầy đủ lục độ. Đây là cứu cánh điều phục, cứu cánh đầy đủ. Trợ đạo và trợ cứu cánh đạo như thế nên biết lục độ hay điều phục tất cả các căn.

Lại nếu luận về sai biệt, chư thiên là báo được, nhị thừa là tu được, tông môn của ta chẳng phải báo chẳng phải tu mà là phát được. Vì ngũ nhãn vốn đầy đủ, nếu người ngộ Phật thừa tuy có đủ phiền não tính nhưng có thể biết tạng bí mật của Như Lai thì nhục nhãn gọi là Phật nhãn; hàng nhị thừa tuy chứng diệt tu đạo đầy đủ lậu tận thông thì thiên nhãn trở thành mắt lừa. Do đó ngài Chí Công nói: “Nhục nhãn của đại sĩ viên thông thiên nhãn của nhị thừa mù lừa”. Đại sư Pháp Dung nói: “Chẳng chấp thiên nhãn, ngũ thông, tạo sự của ngoại đạo, chỉ nắm lấy sự nhập lý của phàm phu”.

-----